CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sam Holdings

Ngày 30/09/2025	7,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**14.7%**	**4.1%**

DT thuần
Q3/25
1,540
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 136| 9.7%
YoY: ▲ 621| 67.6%

LN thuần
Q3/25
20.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.6| -48.0%
YoY: ▲ 10.3| 103%

LN sau thuế
Q3/25
15.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.4| -54.2%
YoY: ▲ 7.36| 90.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.5%
YoY: +/-▼ 1.7%

ROE (TTM)
Q3/25
1.4%
YoY: +/-▲ 0.2%

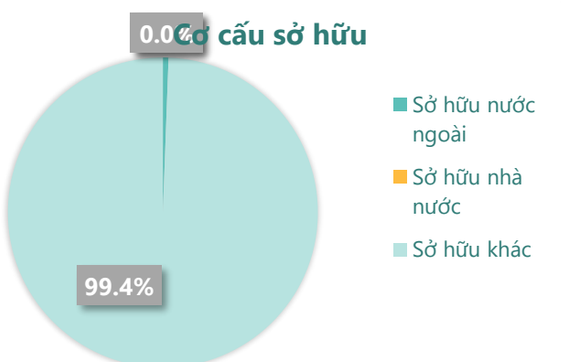
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 10,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,869
Số lượng CPLH (CP)	379,960,971
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,911,260
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.99
EPS	171
P/E	44.1

DT thuần
9T 2025
4,108
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 931| 29.3%

LN thuần
9T 2025
73.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.7| -21.2%

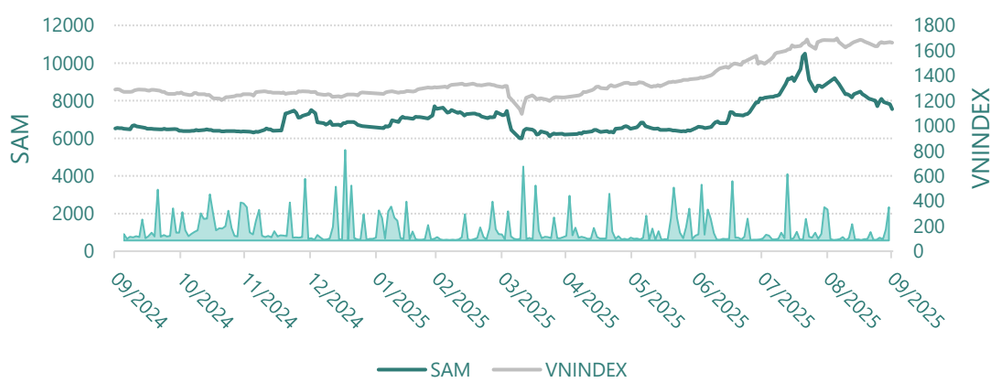
LN sau thuế
9T 2025
55.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.7| -33.4%

Cơ cấu sở hữu

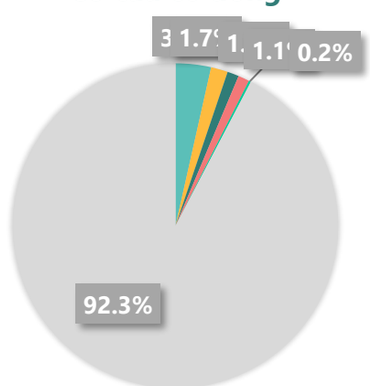


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



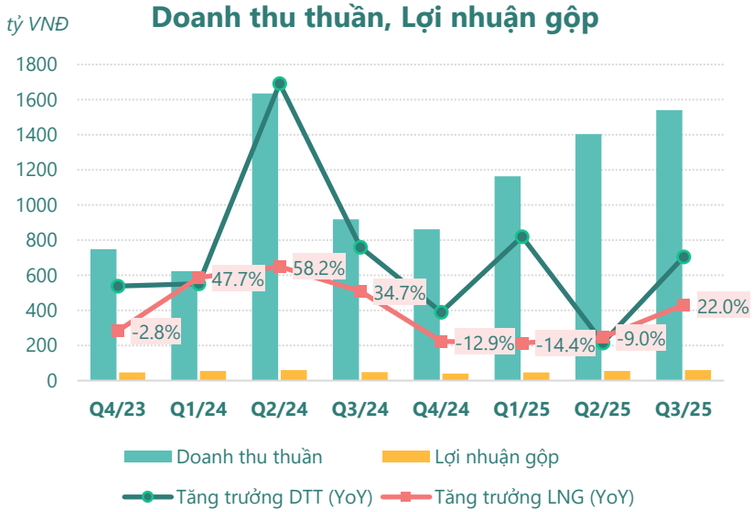
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

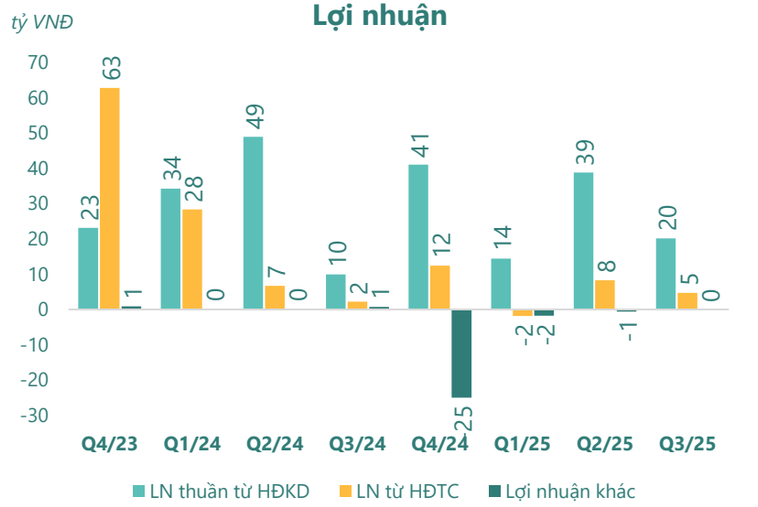
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



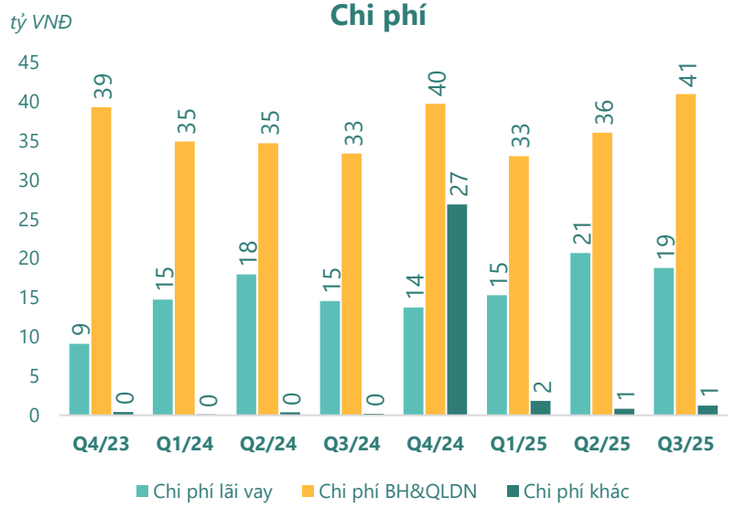
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



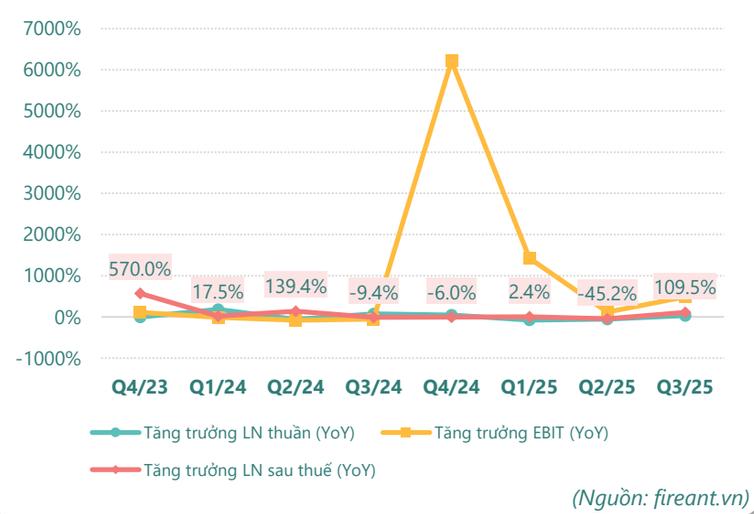
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



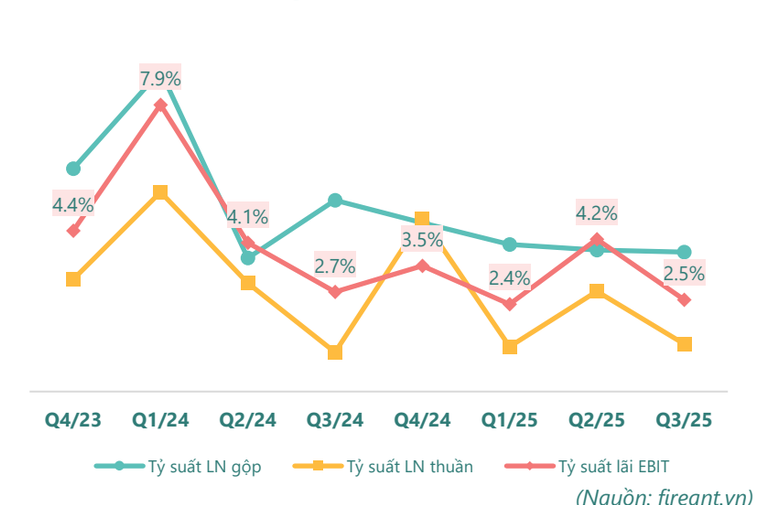
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



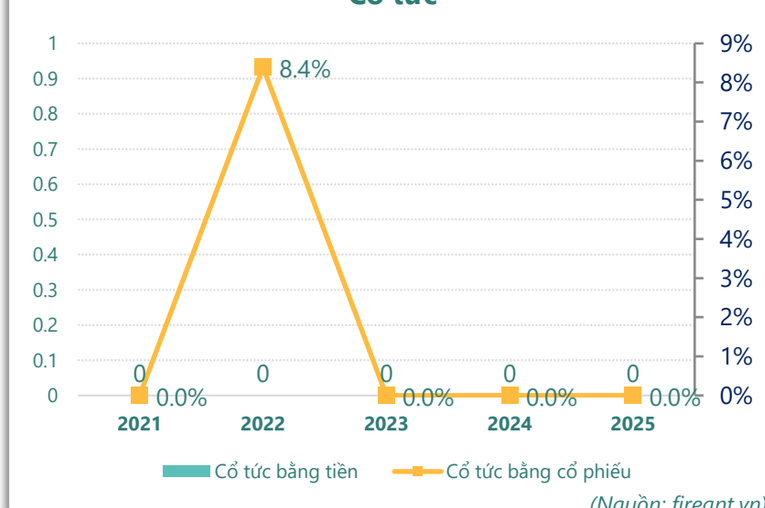
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

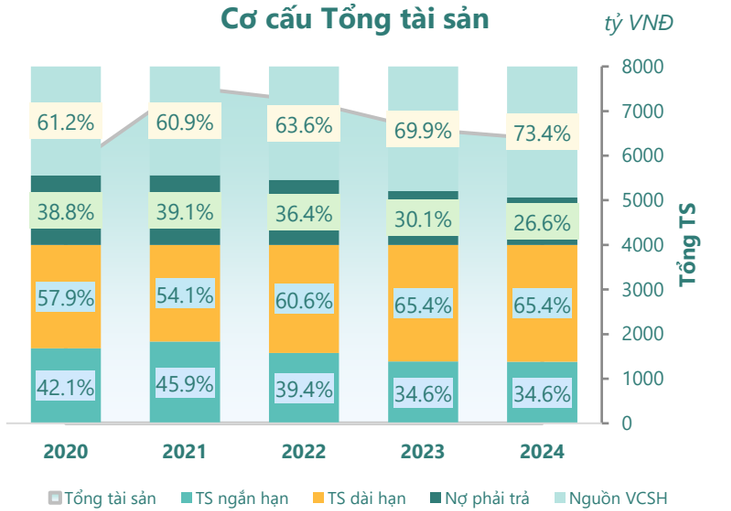
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

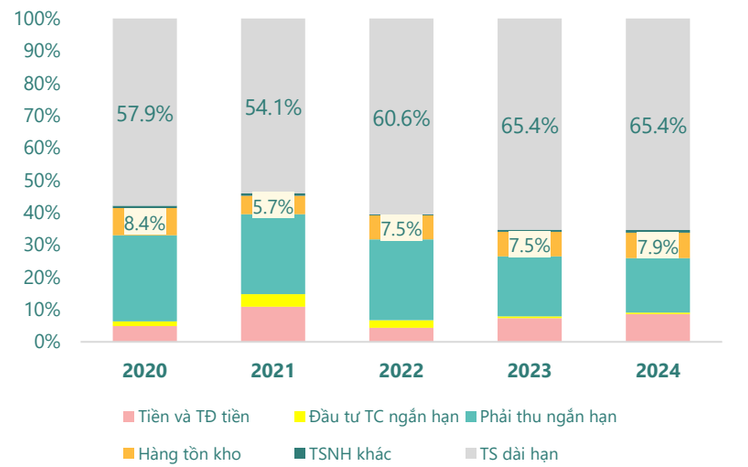
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



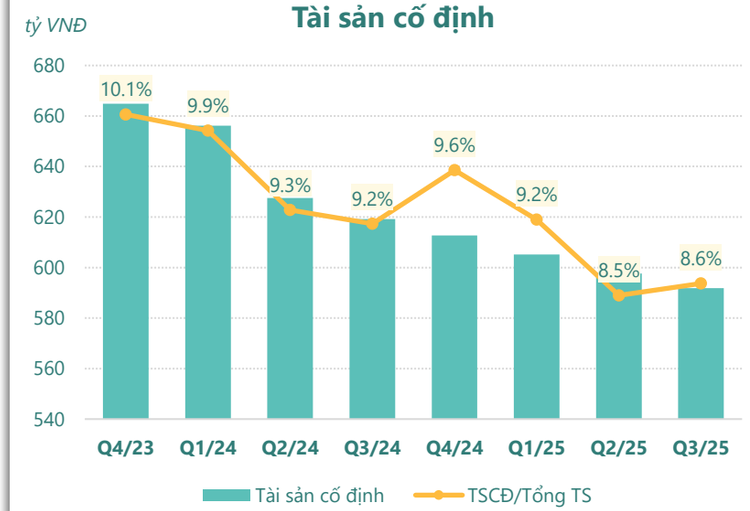
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



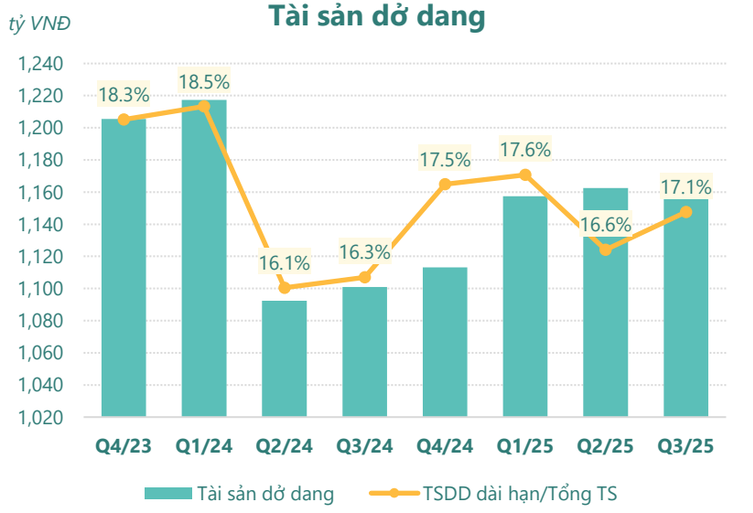
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



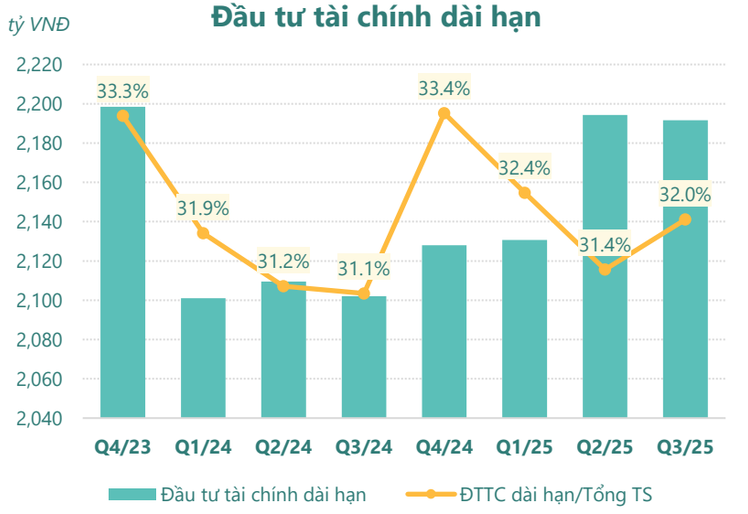
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



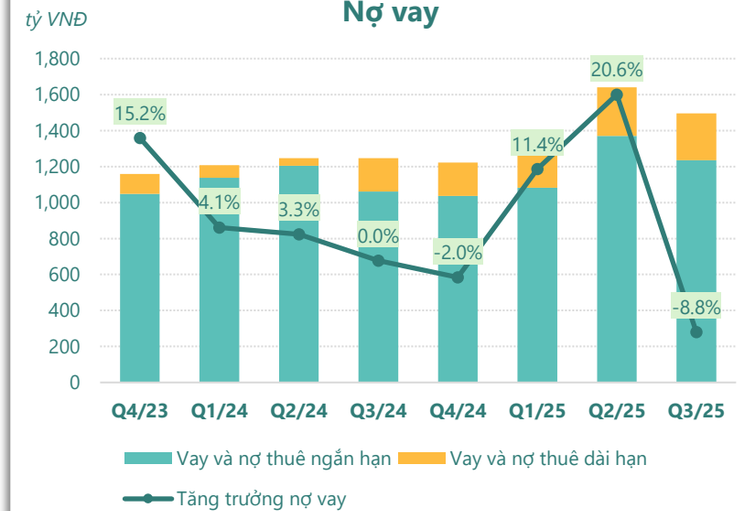
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

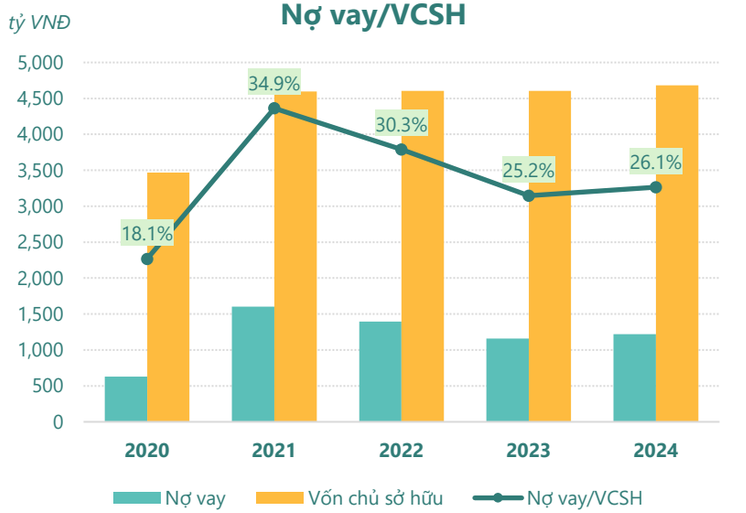
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

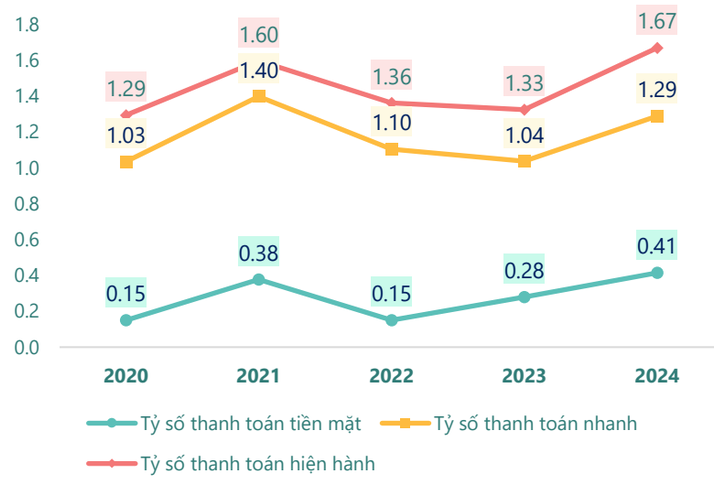
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



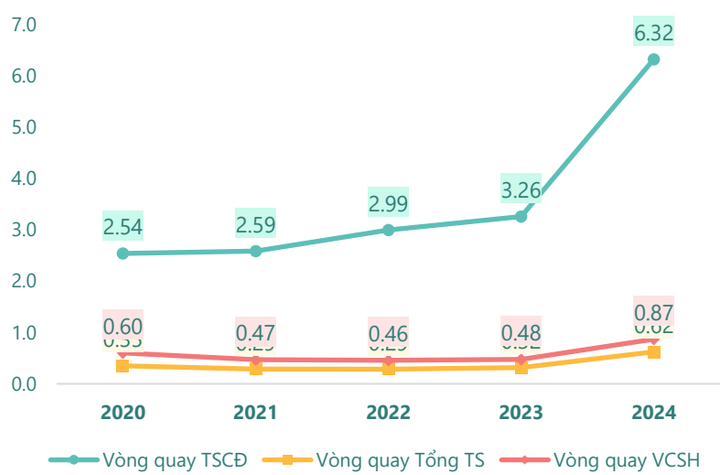
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



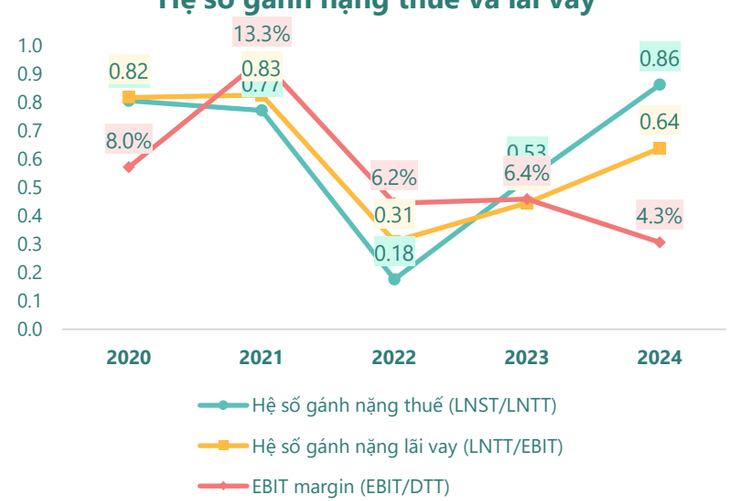
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



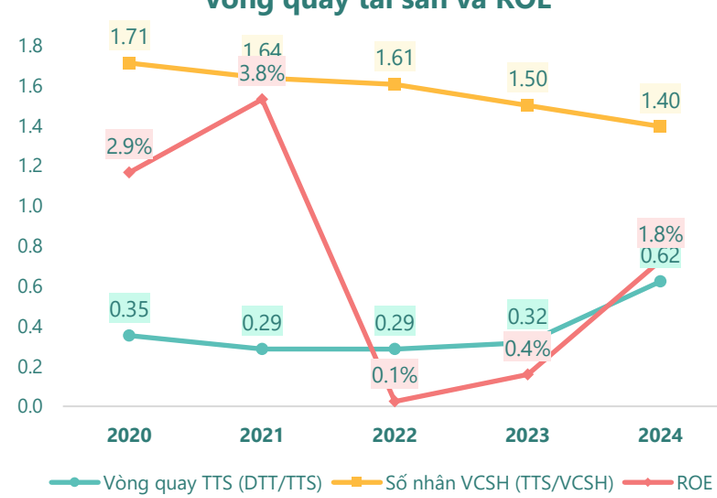
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



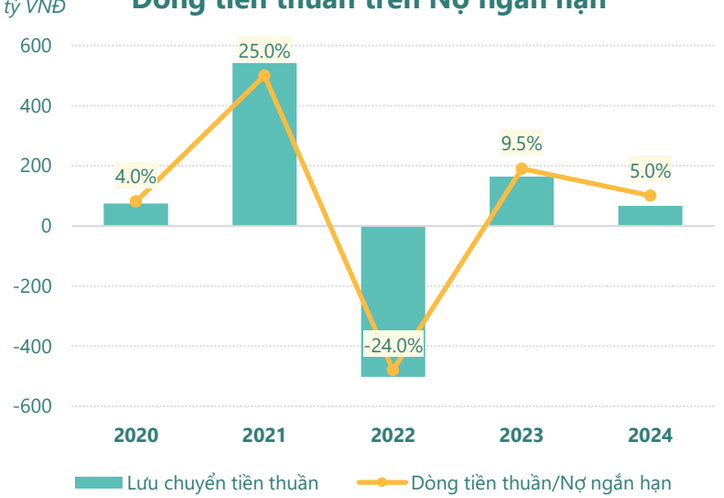
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,540**	**919**	**67.6%**	**4,108**	**3,177**	**29.3%**
Giá vốn hàng bán	1,481	870	70.2%	3,947	3,014	31.0%
Lợi nhuận gộp	59.1	48.5	21.9%	161	164	-1.6%
Doanh thu HĐTC	25.3	15.5	63.1%	71.9	93.4	-23.0%
Chi phí TC	20.5	13.3	54.5%	60.7	56.1	8.1%
Chi phí lãi vay	18.8	14.6	28.7%	54.8	47.3	15.8%
LN trong công ty LKLD	**-2.73**	**-7.32**	**62.7%**	**11.3**	**-4.77**	**337%**
Chi phí bán hàng	18.2	14.3	27.5%	48.0	43.2	11.1%
Chi phí QLDN	**22.8**	**19.1**	**19.1%**	**62.1**	**59.8**	**3.8%**
LN thuần từ HĐKD	20.2	9.94	103%	73.4	93.1	-21.2%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.71**	**-99.0%**	**-2.32**	**1.10**	**-311%**
LN trước thuế	20.2	10.7	88.6%	71.0	94.2	-24.6%
Lợi nhuận sau thuế	**15.5**	**8.14**	**90.7%**	**55.0**	**82.7**	**-33.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.3**	**2.57**	**377%**	**46.9**	**65.8**	**-28.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-55.3	210	151	-306	113	125
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	65.6	-189	184	-187	-210	-198
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	121	-109	-34.9	129	271	-154
Tiền đầu kỳ	203	335	248	547	183	357
Lưu chuyển tiền thuần	**132**	**-87.1**	**300**	**-364**	**174**	**-227**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-0.06	0	0	0
Tiền cuối kỳ	335	248	547	183	357	131

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,843**	**6,376**	**7.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,542	2,204	15.3%
Tiền và tương đương tiền	131	547	-76.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	162	29.6	449%
Phải thu ngắn hạn	1,889	1,076	75.6%
Hàng tồn kho	322	503	-35.9%
Tài sản ngắn hạn khác	37.1	48.8	-24.1%
Tài sản dài hạn	**4,301**	**4,172**	**3.1%**
Phải thu dài hạn	161	120	34.0%
Tài sản cố định	592	613	-3.4%
Bất động sản đầu tư	119	123	-3.3%
Tài sản dở dang	1,171	1,113	5.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,192	2,128	3.0%
Tài sản dài hạn khác	**62.9**	**69.5**	**-9.4%**
Lợi thế thương mại	4.11	4.70	-12.5%
Nợ phải trả	2,119	1,695	25.0%
Nợ ngắn hạn	**1,476**	**1,320**	**11.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,235	1,037	19.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.3	81.9	-19.0%
Nợ dài hạn	643	375	71.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	261	185	41.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,724**	**4,681**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**4,724**	**4,681**	**0.9%**
Vốn điều lệ	3,800	3,800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)